

Số: 01/VB

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị;

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 3101046609 cấp lần 3 ngày 29 tháng 8 năm 2025 cơ quan cấp Sở tài chính tỉnh Quảng Trị

- Địa chỉ: Số 30 Cao Thắng, TDP8 Phú Xá, P. Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 0989427788

- Email: Xuanlocdct@gmail.com

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm ĐCCT & VLXD Las –XD787

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 30 Cao Thắng, TDP8 Phú Xá, P. Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có):

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Phép thử cơ lý đất			
1	Khối lượng riêng	TCVN 4195:2012;	Cân điện tử, hộp mẫu	Trương Tuấn Vũ Trương Thiên Văn
2	Độ ẩm	TCVN 4196:2012;	Cân điện tử, hộp mẫu	nt
3	Giới hạn chảy, dẻo	TCVN 4197:2012;	Dụng cụ thí nghiệm chảy dẻo	nt
4	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014;	Bô rây, cân	nt
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995;	Máy cắt phẳng	nt
6	Đàn nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22 TCN 333 - 06;	Máy nén 1 trục	nt

7	Khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012	Dao vòng, cân	nt
8	Mô đun đàn hồi	22TCN 211-06	Tính toán	nt
9	Sức chống cắt CBR	22 TCN 332 - 06;	Máy nén CBR	nt
II	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu dùng cho bê tông vữa			
1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27;	Bô rây, cân	Trương Tuấn Vũ Lê Ngọc Hai
2	Khối lượng riêng	TCVN 7572 -4:06	Cân điện tử, hộp mẫu	nt
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84; TCVN 7572-5:2006;	Bình hút ẩm, cân	nt
4	Khối lượng thể tích xộp và độ hồng, độ ẩm	TCVN 7572-6:2006; TCVN 7572-7:2006;	Hộp mẫu, cân	nt
5	Hàm lượng bụi, bùn sét	TCVN 7572-8:2006;	Chậu rửa inox, cân	nt
6	Cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén 15 tấn	nt
7	Hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu	TCVN 7572-13:2006;	Rây, Thước kẹp	nt
8	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006	nt	nt
9	Độ mài mòn Losangeles	TCVN 7572-12:2006;	Máy mài mòn Losangeles	nt
10	Hàm lượng Mica	TCVN 7572-20:2006	Bộ rây	nt
III	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa			
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011;	Máy nén massall	Trương Tuấn Vũ Lê Ngọc Hai
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011;	Máy ly tâm	nt

3	Xác định thành phần hạt cốt liệu	TCVN 8860-3:2011;	Rây	nt
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011;	Cân điện tử và Dụng cụ thí nghiệm liên quan	nt
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011;	Cân điện tử và Dụng cụ thí nghiệm liên quan	nt
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011		nt
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011		nt
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011		nt
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bình chân không	nt
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011		nt
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011		nt
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011		nt
IV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý bê tông xi măng			
1	Độ sụt hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3106:1993;	Côn, máy trộn	Trương Tuấn Vũ Trương Thiên Văn
2	Khối lượng riêng bê tông xi măng	TCVN 3112:1993	Cân, dụng cụ liên quan	nt
3	Độ hút nước của bê tông xi măng	TCVN 3113:1993	Cân, dụng cụ liên quan	
4	Khối lượng thể tích bê tông xi măng	TCVN 3115:1993	Cân, dụng cụ liên quan	nt
5	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:1993	Máy nén	nt
6	Cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:1993	Máy uốn	nt
V	Các phép thử cơ lý của nhựa đường			
1	Độ kim lún	TCVN 7495:2005;	Bộ thử kim lún	Trương Tuấn Vũ Lê Ngọc Hai

2	Độ kéo dài	TCVN 7496:2005;	Bộ thử giãn dài	nt
3	Nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005;		nt
4	Độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005;		nt
5	Nhiệt độ bốc lửa, bắt cháy	TCVN 7498:2005;	Bộ thí nghiệm bắt lửa	nt
6	Khối lượng riêng	TCVN 7501:2005;	Cân trong nước	nt
7	Tỷ lệ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng nhiệt độ 163 ⁰ c trong 5h so với độ kim lún ở 25 ⁰ C	TCVN 7499:2005;	Bộ thí nghiệm nhựa đường	nt
8	Hàm lượng hòa tan Trichloroethylene	TCVN 7500:2005;		nt
9	Chỉ số PI	Thông tư số 27/2014/TT - BGTVT		nt
VI	Phép thử cơ lý kim loại			
1	Phương pháp thử kéo	TCVN 197:2002	Máy kéo thép WB 1000	Trương Tuấn Vũ
2	Phương pháp uốn	TCVN 198:1995	Máy kéo thép WB 1000	nt
3	Mỗi hàn kim loại: Thử uốn	TCVN 5401:2010		nt
4	Mỗi hàn kim loại: Thử kéo	TCVN 5403:2010		nt
VII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng			
1	Khối lượng riêng	TCVN 3121:03	Cân, các thiết bị liên quan	Trương Tuấn Vũ Lê Ngọc Hai
2	Độ hút nước của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121:03		nt
3	Cường độ nén của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121:03	Máy nén vữa	nt
XIII	Thí nghiệm hiện trường			
1	Xã định mô đun đàn hồi bằng cần benkeman	TCVN 8867:2011	Cần Benkeman	Trương Tuấn Vũ Lê Ngọc Hai
2	Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Đo tấm ép	nt

3	Độ ẩm của đất đắp nền đường	22TCN 02-71		nt
4	Xác định độ bằng phẳng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m	nt
5	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346 -06	Bộ đo K	nt
6	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011		nt
7	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao vòng	TCVN 4202:2012	Đo bằng phương pháp dao vòng	nt
	Đo điện trở đất	TCVN 9385 -2012	Máy đo điện trở	nt
IX	Thí nghiệm gạch xây dựng			
1	Xác định kích thước	TCVN 6355-1: 2009	Thước đo	Trương Tuấn Vũ Lê Ngọc Hai
2	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3: 2009	Máy nén thủy lực	nt
3	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 2009	Máy nén	nt
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 2009	Tủ sấy, cân, thùng	nt
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 2009	Thước, cân, dụng cụ liên quan	nt
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009	Thùng chứa mẫu, cân, Quang để mẫu	nt

Công ty TNHH XDTH Khang Phúc chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC

Giám đốc



Nguyễn Xuân Lộc

Số: 02/VB

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

V/v Báo cáo hoạt động trong năm 2025
của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây
dựng, trạm thí nghiệm hiện trường

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị

Công ty TNHH XDTH Khang Phúc báo cáo Sở Xây dựng về tình hình hoạt động trong năm 2025 của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, trạm thí nghiệm hiện trường như sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

- Địa chỉ: Số 30 Cao Thắng, TDP 8 Phú Xá, P. Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm ĐCCT & VLXD Las –XD787

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 30 Cao Thắng, TDP 8 Phú Xá, P. Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): không

- Đã Công bố thông tin tại văn bản số 01 ngày 09/04/2026 trên Trang thông tin điện tử của đơn vị (link: Xaydungkhangphuc.com), được công đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng (link: sxd.quangtri.gov.vn).

2. Tình hình hoạt động

2.1. Danh Mục thiết bị phòng thí nghiệm

S TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Tình trạng	Thời hạn hiệu chuẩn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Dụng cụ chia mẫu 1”	VN	Mới	19/3/2025 đến 19/3/2026
2	Dụng cụ chia mẫu 1/2”	VN	Mới	nt
3	Thùng đong 1, 5, 10, 20l	VN	Mới	nt
4	Khuôn hình côn và chày	TQ	Mới	nt
5	Nhiệt kế thủy tinh 0-150°C	TQ	Mới	nt
6	Bình hút ẩm	TQ	Tốt	nt
7	Phễu xác định KLTT	VN	Tốt	nt

8	Máy mài mòn Los Angeles	TQ	Tốt	nt
9	Bi thép	TQ	Tốt	nt
10	Bảng màu chuẩn	TQ	Mới	nt
11	Sàng phân tích thành phần hạt đường kính 300: 50; 37,5; 25; 20; 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63, 0,3, 0,14	TQ	Tốt	nt
12	Tủ sấy 0-300°C	TQ	Tốt	nt
13	Cân kỹ thuật 30kg/1g	Nhật	Tốt	nt
14	Cân kỹ thuật 15kg/1g	Nhật	Tốt	nt
15	Cân kỹ thuật 6kg	Nhật	Tốt	nt
16	Cân kỹ thuật 600g	Nhật	Tốt	nt
17	Khay chứa mẫu 50x50	VN	Mới	nt
18	Khay chứa mẫu 10x20	VN	Mới	nt
19	Khuôn nén dập xi lanh D75	TQ	Tốt	nt
20	Ống đong các loại: 50, 100, 250, 500, 1000 ml	TQ	Mới	nt
21	Bình thủy tinh: 500, 1000ml	TQ	Mới	nt
22	Bộ dụng cụ lấy mẫu (bay, xẻng...)	VN	Mới	nt
II	Thí nghiệm xi măng			
1	Máy trộn xi măng hành tinh	TQ	Tốt	nt
2	Bàn dẫn xi măng	TQ	Tốt	nt
3	Bình tỷ trọng xi măng	TQ	Mới	nt

4	Sàng độ mịn 0,09mm	TQ	Mới	nt
5	Thùng chưng hấp	TQ	Tốt	nt
6	Khuôn đo độ nở thể tích	VN	Mới	nt
7	Kim Vica	TQ	Tốt	nt
8	Khuôn 4x4x16	VN	Tốt	nt
III	Thí nghiệm bê tông, vữa			
1	Côn thử sụt	VN	Mới	nt
2	Khuôn bê tông 15x30cm	VN	Tốt	nt
3	Máy trộn bê tông 150l	VN	Tốt	nt
4	Dụng cụ đo độ chảy của vữa	VN	Mới	nt
5	Khuôn vữa 4x4x16 cm	TQ	Mới	nt
6	Máy ép bê tông 2000kN	TQ	Tốt	nt
7	Dụng cụ làm mũ capping	VN	Tốt	nt
IV	Thí nghiệm thép xây dựng			
1	Máy kéo, nén vạn năng 1000kN	TQ	Tốt	nt
2	Máy cắt thép	Đài Loạn	Mới	nt
V	Thí nghiệm đất			
1	Máy nén tam liên	TQ	Tốt	nt
2	Máy cắt đất ứng biến	TQ	Tốt	nt
3	Khuôn tiêu chuẩn 4"	VN	Tốt	nt
4	Chày tiêu chuẩn 2.5kg	VN	Tốt	nt
5	Khuôn tiêu chuẩn 6"	VN	Tốt	nt
6	Chày cải biên 4,5kg	VN	Tốt	nt
7	Thước gạt phẳng	VN	Tốt	nt
8	Bộ dụng cụ lấy mẫu (xẻng	VN	Mới	

	bay trộn, dao...)			nt
9	Hộp đựng mẫu ẩm	TQ	Mới	nt
10	Xác định giới hạn chảy	Ele	Tốt	nt
11	Dụng cụ xẻ rãnh	Ele	Tốt	nt
12	Đĩa bay hơi	Ele	Tốt	nt
13	Dao bay mềm	Ele	Tốt	nt
14	Bình thất cổ 100cc	Ele	Tốt	nt
15	Dụng cụ Casagande	Ele	Tốt	nt
16	Tấm kính mờ	TQ	Mới	nt
17	Đầm dạng thanh	Ele	Tốt	nt
18	Bình tỷ trọng kế	TQ	Tốt	nt
19	Tỷ trọng kế 0 - 60g	Germany	Tốt	nt
20	Bộ sàng lưới đồng đường kính 8inches (75~ 9.5mm, No.4~ No.400) bao gồm cả nắp và đáy.	Ele	Tốt	nt
21	Sàng rửa bằng đồng 75 μ m	Ele	Tốt	nt
22	Chổi quét sàng thô	VN	Tốt	nt
23	Chổi quét sàng mịn	VN	Tốt	nt
24	Máy ép CBR	TQ	Tốt	nt
25	Cung chuẩn 5KN	TQ	Tốt	nt
26	Piston ép	TQ	Tốt	nt
27	Khuôn CBR	VN	Tốt	nt
VI	Thí nghiệm bê tông nhựa			
1	Máy ép marshall	TQ	Tốt	nt
2	Cung chuẩn 2,5KN	TQ	Tốt	nt
3	Piston ép	TQ	Tốt	nt
4	Bộ gá ép marshall	TQ	Tốt	nt
5	Máy chiết ly tâm	TQ	Tốt	nt
6	Giấy lọc	TQ	Tốt	nt
7	Khuôn marshall	VN	Tốt	nt
8	Bộ đầm marshall	TQ	Tốt	nt
9	Bể ổn nhiệt	TQ	Tốt	nt
10	Kích đùn mẫu	TQ	Tốt	nt
VII	Thí nghiệm nhựa Bi tum			
1	Thiết bị thử độ kim lún	TQ	Tốt	nt
2	Thử nhiệt độ hóa mềm, vòng và bi	TQ	Tốt	nt
3	Máy kéo độ giãn dài	TQ	Tốt	nt
4	Dụng cụ cốc hồ	VN	Tốt	nt
VII	Thí nghiệm hiện trường			
1	Phễu rót cát	VN	Tốt	nt
2	Tấm đo độ chặt hiện trường	VN	Tốt	nt
3	Bình thay thế	VN	Tốt	nt

4	Cần hiện trường	VN	Mới	nt
5	Búa cao su	VN	Mới	nt
6	Đục, búa, môi xúc, thìa....	VN	Mới	nt
7	Chổi lông 2"	VN	Mới	nt
8	Dao đai	VN	Tốt	nt
9	Máy khoan lấy lõi	Nhật	Tốt	nt
10	Tấm ép cứng	VN	Tốt	nt
12	Cần bekelman	TQ	Tốt	nt
13	Thước 3m	VN	Tốt	nt

2.2. Tình hình tổ chức quản lý hoạt động phòng thí nghiệm

- Tình hình nhân sự : Không
- Đầu tư mới trang thiết bị và điều kiện làm việc.

Phòng thí nghiệm mã số LAS – XD 787 sau khi thuộc Công ty TNHH xây dựng Khang Phúc ngoài việc kế thừa lại các thiết bị thí nghiệm đã có, công ty đầu tư mới văn phòng và một số thiết bị thí nghiệm

- +Mua mới bàn làm việc và máy vi tính
- +Mua mới các thiết bị thí nghiệm về chỉ tiêu nhựa đường
- +Mua mới thiết bị đo chóng sét
- + Mua mới thiết bị thí nghiệm gạch
- + Mua thêm máy thí nghiệm thép

- Nhu cầu mở rộng hoặc thu hẹp khả năng của PTN;

Văn phòng được xây mới với diện tích gần 120 m² (gồm 01 phòng thí nghiệm chuyên ngành và 01 phòng làm việc)

- Tham gia các hoạt động đào tạo/ tập huấn về quản lý PTN;

Tích cực tham gia các hoạt động đào tạo/tập huấn về quản lý phòng thí nghiệm

do Đại học xây dựng HN tổ chức;

- Những khó khăn vướng mắc và biện pháp xử lý.

Hiện nay, trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng có rất nhiều phòng thí nghiệm (LAS – XD) mới được thành lập, dẫn đến việc cạnh tranh công việc ngày càng cao.

Bộ xây dựng tăng cường tổ chức các khóa đào tạo thí nghiệm, KĐCL công trình ngắn hạn tại các tỉnh có nhu cầu và đăng ký đồng, tạo điều kiện cho cán bộ thí nghiệm có điều kiện vừa học vừa làm

2.3. Các công trình thực hiện trong năm 2025

STT	Tên dự án công trình / đơn vị yêu cầu	Tên các phép thử và tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
1	Công trình: Bệnh viện đa khoa huyện Lệ thủy Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH Thiết kế xây dựng 638	-Thiết kế cấp phối BTXM: theo Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông các loại số 778/1998/QĐ – BXD - Thí nghiệm xi măng: theo TCVN 4030:2003; TCVN 6016:2011; 6017:2015 - Thí nghiệm cát : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm đá dăm : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm đất đắp: theo TCVN 4197, 4198 : 2012; 22TCN 332, 333:2006

		<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm nén bê tông: theo TCVN 3118:1993 - Thí nghiệm độ chặt hiện trường: theo 22TCN 346:2006
2	<p>Công trình: Khắc phục tuyến đường giao thông từ UBND xã Thái Thủy đi Thái Nam</p> <p>Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH XDTH Phương Đông</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Thiết kế cấp phối BTXM: theo Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông các loại số 778/1998/QĐ – BXD - Thí nghiệm xi măng: theo TCVN 4030:2003; TCVN 6016:2011; 6017:2015 - Thí nghiệm cát : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm đá dăm : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm thép: theo TCVN 197:2002, TCVN 198:1985 - Thí nghiệm nén bê tông: theo TCVN 3118:1993 - Thí nghiệm gạch xây không nung: theo TCVN 6477:2016; TCVN 6355:2009
3	<p>Công trình: Đường GTNT Thôn Phú Hoà, xã Phú Thủy</p> <p>Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH TVTK và XDTH Hưng Phú</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Thiết kế cấp phối BTXM: theo Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông các loại số 778/1998/QĐ – BXD - Thí nghiệm xi măng: theo TCVN 4030:2003; TCVN 6016:2011; 6017:2015 - Thí nghiệm cát : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm đá dăm : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm thép: theo TCVN 197:2002, TCVN 198:1985 - Thí nghiệm nén bê tông: theo TCVN 3118:1993 - Thí nghiệm đất đắp: theo TCVN 4197; 4198:2012; 22TCN 332; 333:2006 - Thí nghiệm độ chặt hiện trường: theo 22TCN 346:2006
4	<p>Công trình: Đường nội đồng HTX Phú Hoà</p> <p>Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH TVTK và XDTH Hưng Phú</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Thiết kế cấp phối BTXM: theo Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông các loại số 778/1998/QĐ – BXD - Thí nghiệm xi măng: theo TCVN 4030:2003; TCVN 6016:2011; 6017:2015 - Thí nghiệm cát : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm đá dăm : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm thép: theo TCVN 197:2002, TCVN 198:1985 - Thí nghiệm nén bê tông: theo TCVN 3118:1993 - Thí nghiệm đất đắp: theo TCVN 4197; 4198:2012; 22TCN 332; 333:2006 - Thí nghiệm độ chặt hiện trường: theo 22TCN 346:2006
5	<p>Công trình: Đường GT Minh Hoá Tuyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Thiết kế cấp phối BTXM: theo Chỉ dẫn kỹ

	Hoá, tỉnh Quảng Bình/QK4 Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH Thiết kế xây dựng 638	thuật chọn thành phần bê tông các loại số 778/1998/QĐ – BXD - Thí nghiệm xi măng: theo TCVN 4030:2003; TCVN 6016:2011; 6017:2015 - Thí nghiệm cát : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm đá dăm : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm nén bê tông: theo TCVN 3118:1993 - Thí nghiệm thép: theo TCVN 197:2002, TCVN 198:1985
6	Công trình: Mở rộng đường liên xã khu vực trung tâm, xã Đồng Hóa Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH Xây dựng Hải Minh Quân	-Thiết kế cấp phối BTXM: theo Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông các loại số 778/1998/QĐ – BXD -Thiết kế cấp phối vữa xi măng: theo TCVN 4459 : 1987 - Thí nghiệm xi măng: theo TCVN 4030:2003; TCVN 6016:2011; 6017:2015 - Thí nghiệm cát : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm đá dăm : theo TCVN 7572:2006 - Thí nghiệm thép: theo TCVN 197:2002, TCVN 198:1985 - Thí nghiệm nén bê tông: theo TCVN 3118:1993 - Thí nghiệm đất đắp: theo TCVN 4197; 4198:2012; 22TCN 332; 333:2006 - Thí nghiệm Cấp phối đá dăm loại I: theo AASHTO T88:1990 và 22TCN 332; 333:2006; TCVN 7572

Công ty TNHH XDTH Khang Phúc và phòng thí nghiệm LAS-XD 787 cam kết đã báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu đã cung cấp./.

CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC

Giám đốc



Nguyễn Xuân Lộc